TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 17/7/2024
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan; Ông Lê Quang Khỏe.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST – HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Lưu Quang V**,** sinh năm 1981.

ĐKHKTT; trú tại: Số B B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (có mặt).

- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Số B B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Số A ngách A ngõ C B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

+ **Người làm chứng**: Ông Lưu Quang D, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số B B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số D B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lưu Quang V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh tại số B B, phường T,

TP H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, áp lực căng thẳng. Chị T chời bời dẫn đến nợ nần, gia đình chị T bán nhà trả nợ cho chị T. Cách đây hơn 01 năm chị T vay mượn nhiều người không còn khả năng trả nên đã chuyển nhà ra chỗ khác ở. Anh cũng không đi tìm chị T về chung sống vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để anh ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012. Hiện nay hai con đang ở với chị T. Anh không muốn tách các con mỗi đứa một nơi nên đồng ý để chị T nuôi cả hai con. Nếu chị Thương yêu c anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì anh đồng ý, trường hợp chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì anh sẽ có trách nhiệm riêng với các con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh V xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe con hiệu Nissan Sunny mua năm 2019, trị giá thời điểm mua là khoảng hơn 400 triệu; 01 xe tải Isuzu 1,9 tấn mua năm 2019, giá thời điểm mua là 580.000.000đ; 01 xe tải Isuzu 3,5 tấn mua năm 2019, giá thời điểm mua là 730.000.000đ. Ngoài ra vợ chồng tôi không còn tài sản chung nào khác. Quan điểm của anh V vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. ***Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:***

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh V tại số B B, phường T, TP H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời trai gái, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, không tập trung cho công việc, đi làm ở nhiều công ty nhưng đều nghỉ. Trong thời gian chung sống anh V không đưa tiền cho chị để nuôi con, chi tiêu sinh hoạt gia đình. Anh V đầu tư làm ăn nhiều lần nhưng đều thua lỗ. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh V nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Từ tháng 4 năm 2023, do không chịu đựng được tính cách của anh V nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại phường T ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh V cũng không quan tâm gì đến chị và cũng không đến tìm chị về chung sống. Nay anh V làm đơn xin ly hôn quan điểm của chị chưa đồng ý ly hôn tại thời điểm này, lý do hiện nay các con còn nhỏ chị muốn cả hai phải có trách nhiệm với con và chị chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh V phải thực hiện việc chia tài sản chung cho chị theo đúng lời hứa của anh V trước khi vợ chồng sống ly thân.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012. Hiện nay hai con đang ở với chị. Nếu anh V vẫn kiên quyết xin ly hôn quan điểm của chị T xin nhận nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị làm Công ty C thu nhập khoảng 15 đến 17 triệu/tháng, đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị T xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe con hiệu Nissan Sunny mua năm 2019, trị giá thời điểm mua là 550.000.000đ. 01 xe tải Isuzu 1,9 tấn mua năm 2018, giá thời điểm mua là 580.000.000đ; 01 xe tải Isuzu 3,5 tấn mua năm 2019, giá thời điểm mua là 780.000.000đ. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không có công sức đóng góp với hai bên gia đình. Quan điểm của chị T để chị và anh V tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này.

Người làm chứng bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ chị T và là mẹ vợ của anh V. Chị T và anh V kết hôn với nhau vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ anh V tại phố B, phường T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mặc kệ chị T làm ăn chăm lo cho gia đình. Anh V còn coi thường chị T và coi thường gia đình bà. Gia đình bà cũng đã khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi. Khoảng tháng 4 năm 2023, chị T và hai con đã về phường T thuê nhà ở, không sống cùng anh V. Bà cũng không thấy anh V tìm chị T về chung sống và cũng không nói chuyện với gia đình bà để khuyên bảo chị T về đoàn tụ cùng anh V. Nay anh V xin ly hôn chị T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T anh V ly hôn để chị T ổn định cuộc sống.

Người làm chứng ông D, bà T1 trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ anh V và là bố mẹ chồng chị T. Sau khi vợ chồng anh V, chị T kết hôn có về sinh sống cùng ông bà một thời gian sau đó chuyển ra chỗ khác ở. Quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt. Đã từ lâu vợ chồng anh V, chị T không chung sống cùng ông bà nên ông bà cũng không biết mâu thuẫn cụ thể giữa chị T, anh V thế nào. Nay anh V làm đơn xin ly hôn chị T ông bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xác minh với ông Đoàn Văn S và bà Đoàn Thị Kim D1 (Trưởng khu và chi hội trưởng phụ nữ khu B, phường T) trình bày: Anh V, chị T kết hôn với nhau vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh V tại địa chỉ số B B, phường T một thời gian thì chuyển ra ở riêng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do khi xảy ra mâu thuẫn anh V, chị T không thông báo với khu và cũng không nhờ khu hòa giải nên khu không nắm được.

Tại phiên toà nguyên đơn anh V giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị T. Về con chung: Anh V đồng ý để chị T nuôi cả 02 con là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012. Về tài sản chung, nợ chung anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị T giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn anh V. Về con chung: Chị T xin nhận nuôi cả hai con là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012 và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 229; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lưu Quang V ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012 kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Anh Lưu Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B B, phường T, thành phố H và hiện trú tại số A ngách A ngõ C B, phường T, thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Lưu Quang V và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh V trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, áp lực căng thẳng. Chị T chời bời dẫn đến nợ nần, gia đình chị T bán nhà trả nợ cho chị T. Chị T cho rằng do anh V chơi bời trai gái, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, không tập trung cho công việc, đầu tư làm ăn nhiều lần nhưng đều thua lỗ. Trong thời gian chung sống anh V không đưa tiền cho chị để nuôi con, chi tiêu

sinh hoạt gia đình. Cả chị T và anh V đều xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, khuyên bảo anh V, chị T về đoàn tụ nhưng anh V vẫn kiên quyết xin ly hôn. Chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn anh V tại thời điểm này với lý do hiện nay các con còn nhỏ chị muốn cả hai phải có trách nhiệm với con và chị chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh V phải thực hiện việc chia tài sản chung cho chị theo đúng lời hứa của anh V trước khi vợ chồng sống ly thân. Điều này chứng tỏ chị T cũng không còn tình cảm với anh V mà chỉ muốn níu kéo quan hệ hôn nhân vì con và muốn anh V phải thực hiện lời hứa chia tài sản cho chị. Bản thân chị T không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng mà chỉ muốn kéo dài thời gian gây khó khăn cho anh V trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, xử anh Lưu Quang V ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung**: Trong thời kỳ hôn nhân anh V và chị T có 02 con chung là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012. Hiện nay hai con đang ở với chị T. Quan điểm của chị T xin nhận nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V nhất trí để chị T nuôi cả 02 con.

Xét thấy: Cháu Lưu Khánh L và Lưu Hải L1 hiện đã trên bảy tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ. Chị T hiện làm tại công ty C có mức thu nhập ổn định. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V, chị T: Giao cháu Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Quá trình giải quyết vụ án cả anh V và chị T đều xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe con hiệu Nissan Sunny mua năm 2019; 01 xe tải Isuzu 1,9 tấn mua năm 2018; 01 xe tải Isuzu 3,5 tấn mua năm 2019. Tuy nhiên cả anh V, chị T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận thống nhất về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án này vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết. Nếu sau này anh V, chị T không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án Hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí**: Anh Lưu Quang V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lưu Quang V ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Khánh L, sinh ngày 01/02/2007 và Lưu Hải L1, sinh ngày 15/6/2012 kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lưu Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo biên lai thu số 0003071 ngày 05/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Hải Dương;*
- *Chi cục THADS thành phố Hải Dương;*
- *UBND phường Trần Phú, TP Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu